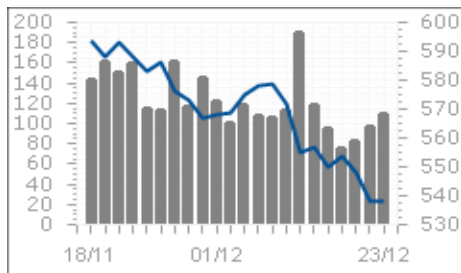


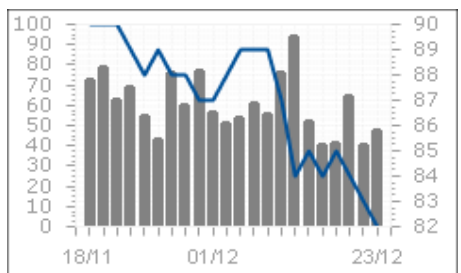
HOSE 23/12/2014

VNINDEX	537.88	0.34	0.06%
KLGD	110,198,639	CP	
GTGD	3,462.11	Tỷ	
GTR NDTNN	89.77	Tỷ	
CP Tăng giá	79	CP	
CP Giảm giá	120	CP	
CP Đứng giá	105	CP	



HNX 23/12/2014

HNXINDEX	82.42	-0.13	-0.16%
KLGD	50,025,094	CP	
GTGD	685.30	Tỷ	
GTR NDTNN	13.88	Tỷ	
CP Tăng giá	74	CP	
CP Giảm giá	109	CP	
CP Đứng giá	196	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	589.61	2.05	0.35%
HNX30	161.35	0.26	0.16%

Tâm điểm

- ▶ **Đà tăng lan rộng, 2 sàn hồi phục tích cực**
- ▶ **Thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp**
 NĐT Nước ngoài vẫn tiếp tục mua ròng trên cả 2 sàn
- ▶ **Tăng trưởng tín dụng đến 19/12 là 11,8%**
 Tăng trưởng tín dụng năm 2014 dự kiến đạt 13%
 Gafin
- ▶ **VAMC đã mua được 123.000 tỷ đồng nợ xấu**
 Năm 2014, VAMC đã xử lý được hơn 4.000 tỷ đồng nợ xấu đã mua
 Vietstock
- ▶ **Nga bơm 8,2 tỷ USD để hỗ trợ ngân hàng nước ngoài**
 Reuters
- ▶ **Xuất khẩu tôm đạt mức cao kỷ lục 4.1 tỷ USD trong năm 2014**
 Kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2014 ước đạt 7.9 tỷ USD
 DVO
- ▶ **Doanh nghiệp xăng dầu lỗ hàng tỷ đồng**

HNX

Thị trường / Ngành Vốn hóa (tỷ) P/E P/B ROE ROA

Theo thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	972,215	13.1	2.6	17.9%	9.3%
HNX	137,580	13.3	1.8	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,109,795	13.5	2.5	17.7%	8.9%

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,641	6.4	0.9	12.5%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,675	9.4	1.5	17.0%	10.6%
Khai khoáng	36,280	12.4	1.9	22.3%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,359	88.6	6.3	-4.2%	-3.5%
Xây dựng	25,046	13.8	1.5	13.8%	7.6%
Máy công nghiệp	31,009	29.9	1.1	0.7%	2.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,382	8.5	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,327	8.2	1.4	18.6%	13.6%
Nuôi trồng nông & hải sản	7,888	10.1	2.6	25.5%	11.1%
Thực phẩm	21,400	10.0	1.8	21.4%	7.5%
Dược phẩm	179,790	23.1	4.3	18.4%	14.2%
Phần mềm	15,444	12.3	2.8	22.4%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,226	9.7	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,080	10.1	1.5	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	142,485	11.7	3.8	32.3%	21.9%
Môi giới chứng khoán	22,319	17.8	1.9	10.4%	2.2%
Ngân hàng	25,755	11.0	1.4	11.0%	7.4%
Bất động sản	241,370	11.4	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	155,216	15.2	2.4	17.6%	4.5%
	34,391	7.8	1.6	21.9%	9.3%

Thông kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Tăng trưởng tín dụng đến 19/12 là 11,8%

► Tin kinh tế

Hôm nay (23/12), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tổ chức họp báo thường kỳ tháng 12/2014 báo cáo kết quả điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2014, định hướng giải pháp điều hành năm 2015. Tăng trưởng tín dụng năm 2014 dự kiến đạt 13%, theo Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ NHNN. Đến 19/12 tín dụng đã tăng 11,8% so với cuối 2013. Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên.

VAMC đã mua được 123.000 tỷ đồng nợ xấu

Phó tổng giám đốc VAMC Đoàn Văn Thắng cho biết, đến hôm nay (23/12) VAMC đã mua được 123.000 tỷ đồng nợ gốc nợ xấu. Năm 2014, VAMC đã xử lý được hơn 4.000 tỷ đồng nợ xấu đã mua. Theo ông Thắng, thông qua mua nợ xấu thì VAMC đã cơ cấu lại nhiều khoản vay, đưa nhiều khoản vay của các khách hàng về mặt bằng lãi suất hiện nay 10,02%, điều chỉnh thời hạn trả nợ, gia hạn nợ... Lãnh đạo VAMC cũng như Phó Tổng đốc Nguyễn Thị Hồng cũng lưu ý về những khó khăn của VAMC trong xử lý nợ xấu hiện nay khi không xử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Nợ xấu phát sinh do quá trình tích tụ, nhiều nguyên nhân nên cần phải có giải pháp đồng thời, tích cực mới xử lý được nợ xấu.

Nga bơm 8,2 tỷ USD để hỗ trợ ngân hàng nước ngoài

Ngày 22/12, Bộ phát triển kinh tế Nga thông báo, những ngân hàng nước ngoài có ít nhất 30% cổ phần thuộc sở hữu chính phủ Nga, có thể tham gia chương trình cho vay của chính phủ nước này. Với chương trình cho vay 8,2 tỷ USD này, những ngân hàng nước ngoài đủ điều kiện có thể vay vốn để tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư tại Nga. Trong khi đó nếu muốn tham gia chương trình vay vốn trên, các ngân hàng Nga cũng phải đảm bảo sở hữu ít nhất 1,6 tỷ USD vốn và từng tham gia vào ít nhất 10 dự án đầu tư trong vòng 3 năm qua. Trong đó, tổng đầu tư của ngân hàng vào mỗi dự án phải từ 49,4 triệu USD trở lên.

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Xuất khẩu tôm đạt mức cao kỷ lục 4.1 tỷ USD trong năm 2014

► Tin doanh nghiệp

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2014 ước đạt 7.9 tỷ USD. Sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào kết quả xuất khẩu của mặt hàng tôm, với giá trị xuất khẩu cao từ trước tới nay khoảng 4.1 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2013. Tôm là mặt hàng có mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng mạnh của mặt hàng tôm đã góp phần quan trọng để duy trì nhịp độ tăng trưởng khá trong xuất khẩu của ngành thủy sản, trong khi vẫn còn một số mặt hàng xuất khẩu quan trọng khác vẫn có xu hướng giảm. Về thị trường xuất khẩu, Mỹ tiếp tục là thị trường dẫn đầu về nhập khẩu tôm Việt Nam, mặc dù trong vài tháng cuối năm có sự giảm sút so với đầu năm.

Doanh nghiệp xăng dầu lỗ hàng tỷ đồng

Từ các đầu mối nhập khẩu, tổng đại lý đến đơn vị bán lẻ đều cho biết lỗ nặng vì giá liên tiếp giảm xuống mức thấp nhất 4 năm. Đại diện Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cho hay, theo quy định kinh doanh xăng dầu, tất cả các đơn vị nhập và phân phối đều phải tuân thủ điều chỉnh giá công khai theo quy tắc thị trường. Đặc biệt, theo Nghị Định 83/2014/ NĐ-CP thì thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu bằng 30 ngày cung ứng, cho nên việc lỗ là khó tránh khỏi.

DQC dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 20% vào tháng 1/2015

Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang (mã DQC) vừa thông báo phát hành 4.396.455 cổ phiếu để chia cổ tức năm 2014 từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tính đến quý III năm 2014 với tỉ lệ 20% dự kiến vào tháng 1/2015. Cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu DQC sẽ nhận được 1 cổ phiếu thưởng. Cổ phiếu được phát hành để chia cổ tức sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo báo cáo tài chính quý III/2014, DQC có lợi nhuận chưa phân phối hơn 199 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đến hết quý III đạt 174,5 tỷ đồng.

HOSE 23/12/2014 VNINDEX 537.88 0.34 0.06% 110,198,639 CP 3,462.11 bil VND

Đà tăng lan rộng, 2 sàn hồi phục tích cực

VN-Index tăng 0.34 điểm (+0.06%), đóng cửa tại mức 537.88 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến vừa phải, VN-Index tiếp tục hồi phục nhẹ.

- MACD tiếp tục gia tăng, chưa cho tín hiệu mua, tuy nhiên đây vẫn là yếu tố rất tích cực.
- Stochastic Oscillator gia tăng mạnh. Đây là yếu tố rất tích cực.
- RSI (14) đi ngang ở vùng 37.
- Các chỉ báo kỹ thuật đã tốt lên dần. Điều này đang khẳng định cho nhịp phục hồi của VN-Index.



HOSE Top 5 theo KLGD

OGC	-0.5 (-6.5%)	10,613,390
FLC	-0.2 (-1.9%)	7,675,100
ITA	-0.2 (-2.5%)	3,346,950
SSI	-0.6 (-2.2%)	3,057,610
IDI	0.4 (3.9%)	2,469,930

HOSE Top 5 theo % tăng

STG	2 (7.0%)	10
MPC	5.5 (6.8%)	1,200
PHR	1.6 (6.6%)	8,930
TCO	0.8 (6.3%)	61,530
ALP	0.2 (5.9%)	14,600

HOSE Top 5 theo % giảm

HTV	-1.3 (-7.0%)	10
HDG	-2.3 (-7.0%)	27,800
DTT	-0.7 (-6.9%)	20
SII	-1.7 (-6.9%)	3,150
PTC	-0.7 (-6.9%)	24,040

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KDC	21,9 tỷ	440,860
VCB	17,2 tỷ	560,360
GAS	14,0 tỷ	197,540
PVD	11,7 tỷ	179,890
MWG	8,2 tỷ	80,240

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

BVH	-5,6 tỷ	162,570
PAC	-4,6 tỷ	200,000
SSI	-4,5 tỷ	165,550
KBC	-2,8 tỷ	182,000
VIC	-2,2 tỷ	47,220

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,809,860	89.77

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tích cực ngay từ đầu phiên và liên tục gia tăng. Đà tăng nhanh chóng lan rộng, nhóm cổ phiếu đầu khí hồi phục mạnh tạo hiệu ứng lan tỏa.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 70 triệu cổ phiếu. Việc thanh khoản sụt giảm mạnh và duy trì ở mức thấp cho thấy giới đầu tư đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng rất mạnh với giá trị 89 tỷ. Việc khối ngoại quay trở lại mua ròng là yếu tố rất tích cực.
- ▶ Lực cầu bắt đáy gia tăng, cùng với lực hồi kỹ thuật giúp VN-Index hồi phục. Nhiều khả năng VN-Index sẽ tìm điểm cân bằng ở vùng 535 - 555 điểm.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc tăng tỷ trọng cổ phiếu chỉ nên diễn ra khi thanh khoản gia tăng dần và chỉ số hồi phục.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	70.0	132,650.00	11.8	3.9	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	95.5	95,511.33	16.1	5.2	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	30.6	81,549.62	17.3	1.8	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	46.5	67,636.81	17.6	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	81.5	59,968.36	- 462.8	4.1	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.0	52,127.66	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	8.3	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	51.5	24,818.27	7.9	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	33.5	22,795.79	17.8	1.9	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.5	19,993.95	7.9	1.1	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.1	742.35	12.3	0.8	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.6	832.98	23.6	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.1	2,206.57	7.0	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.0	3,274.45	9.1	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.0	668.25	5.5	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.8	574.29	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 23/12/2014 HNX-Index 82.42 -0.13 -0.16% 50,025,094 CP 685.30 bil. VND

Đà tăng lan rộng, 2 sàn hồi phục tích cực

Chỉ số HNX-Index tăng 1.23 điểm (+1.51%), đóng cửa tại mốc 82.55 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh thân ngắn, HNX-Index tăng điểm tích cực và đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng mạnh, đây là dấu hiệu rất tích cực.
- MACD gia tăng trở lại khá tích cực nhưng vẫn chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- HNX-Index đang hồi phục khá tốt, hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đang cho tín hiệu rất tích cực.



HNX Top 5 theo KLGĐ

Mã CK	Đổi (%)	Giá
KLF	-0.7 (-5.9%)	11,294,400
FIT	1 (4.3%)	3,127,210
SHB	0.1 (1.2%)	2,609,900
PVS	-0.3 (-1.1%)	2,453,430
SCR	-0.2 (-2.1%)	2,327,070

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
CTB	4.5 (14.8%)	-
QHD	2 (10.0%)	12,000
VIX	2 (9.8%)	1,243,700
SDE	0.5 (9.6%)	100
SJE	1.5 (9.6%)	150

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
KTS	-1.5 (-10.0%)	100
PCG	-0.7 (-10.0%)	27,600
WCS	-15 (-10.0%)	200
CAN	-2.8 (-9.7%)	950
VLA	-1.3 (-9.5%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá
PVS	9,6	tỷ	351,600
SHB	5,0	tỷ	605,000
BCC	2,0	tỷ	124,900
SD9	0,4	tỷ	30,100
AAA	0,3	tỷ	20,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá
IVS	-2,6	tỷ	215,900
LAS	-1,5	tỷ	44,500
HLD	-0,2	tỷ	10,000
SD6	-0,1	tỷ	8,000
CAN	0,0	tỷ	950,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	890,701	13.88

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tích cực ngay từ đầu phiên và liên tục gia tăng. Đà tăng nhanh chóng lan rộng, nhóm cổ phiếu đầu khí hồi phục mạnh tạo hiệu ứng lan tỏa.
- ▶ KLGĐ sụt giảm mạnh và đạt 40 triệu cổ phiếu. Việc thanh khoản sụt giảm mạnh và duy trì ở mức thấp cho thấy giới đầu tư đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 5 tỷ. Việc khối ngoại quay trở lại mua ròng là yếu tố rất tích cực.
- ▶ Lực cầu bắt đáy gia tăng, cùng với lực hồi kỹ thuật giúp HNX-Index hồi phục. Nhiều khả năng HNX-Index sẽ tìm điểm cân bằng ở vùng 82 - 85 điểm.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc tăng tỷ trọng cổ phiếu chỉ nên diễn ra khi thanh khoản gia tăng dần và chỉ số hồi phục.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
ACB	909.8	15.5	14,101.60	25.8	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	27.1	12,105.58	7.4	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.3	7,354.49	9.0	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.1	5,344.70	8.2	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.0	3,827.69	12.2	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	22.5	2,949.21	9.2	1.1	12.8%	5.4%
NTP	56.3	50.5	2,845.13	7.2	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.0	2,646.29	7.3	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.9	1,060.20	6.7	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.7	542.52	5.4	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.3	1,906.48	10.7	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.5	2,845.13	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	25.8	1,290.00	6.6	1.5	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	15.22%	81.5	-462.75	4.11	486,790	315,137	220,324
VIC	HOSE	1,454.6	67,636.81	12.53%	46.5	17.59	3.71	1,320,022	1,144,463	1,488,540
PVD	HOSE	303.0	19,394.36	11.71%	64.0	8.22	1.78	1,655,522	1,383,504	786,373
HPG	HOSE	481.9	24,818.27	11.57%	51.5	7.85	2.16	547,538	531,213	549,666
HAG	HOSE	789.9	16,824.85	7.45%	21.3	9.03	1.17	3,163,343	3,205,297	3,776,621
KDC	HOSE	255.2	12,681.51	7.00%	49.7	20.40	1.87	1,308,350	1,129,424	960,971
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	5.69%	17.5	7.93	1.10	3,442,696	1,820,379	831,241
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	5.16%	30.6	17.27	1.84	1,226,419	897,082	509,398
DPM	HOSE	379.9	11,587.99	4.04%	30.5	9.71	1.26	949,461	950,505	629,675
KBC	HOSE	389.8	5,885.38	2.83%	15.1	14.33	1.16	2,684,579	2,576,800	4,517,963
ITA	HOSE	718.9	5,535.58	2.64%	7.7	46.51	0.72	6,732,156	6,287,033	6,349,268
HSG	HOSE	96.3	4,497.82	1.95%	46.7	11.04	1.90	176,680	142,327	309,669
BVH	HOSE	680.5	22,795.79	1.83%	33.5	17.76	1.86	382,189	283,985	238,280
HVG	HOSE	132.0	3,511.19	1.55%	26.6	12.14	1.47	1,413,566	1,095,972	1,547,798
FLC	HOSE	314.9	3,211.92	1.53%	10.2	6.10	0.86	11,631,414	14,309,601	14,717,658
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	1.47%	27.0	11.75	1.59	995,485	648,770	410,069
DRC	HOSE	83.1	4,444.45	1.41%	53.5	12.74	3.07	254,328	185,073	121,418
PVT	HOSE	255.9	3,863.45	1.37%	15.1	13.34	1.29	3,244,182	2,853,220	2,334,931
CSM	HOSE	67.3	2,765.70	1.32%	41.1	7.89	2.16	55,081	50,330	115,957
VSH	HOSE	206.2	2,784.26	1.16%	13.5	18.59	1.01	799,040	551,271	493,872
OGC	HOSE	300.0	2,160.00	0.56%	7.2	13.40	0.71	5,655,143	5,379,680	5,853,717

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	8.53%	81.5	-462.75	4.11	486,790	315,137	220,324
VIC	HOSE	1,454.6	67,636.81	7.57%	46.5	17.59	3.71	1,320,022	1,144,463	1,488,540
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	7.13%	30.6	17.27	1.84	1,226,419	897,082	509,398
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	6.62%	17.5	7.93	1.10	3,442,696	1,820,379	831,241
PVS	HNX	446.7	12,105.58	5.75%	27.1	7.38	1.41	4,288,325	3,637,113	2,806,517
BVH	HOSE	680.5	22,795.79	4.51%	33.5	17.76	1.86	382,189	283,985	238,280
DPM	HOSE	379.9	11,587.99	4.25%	30.5	9.71	1.26	949,461	950,505	629,675
HAG	HOSE	789.9	16,824.85	4.04%	21.3	9.03	1.17	3,163,343	3,205,297	3,776,621
PVD	HOSE	303.0	19,394.36	3.90%	64.0	8.22	1.78	1,655,522	1,383,504	786,373
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	3.14%	27.0	11.75	1.59	995,485	648,770	410,069
ITA	HOSE	718.9	5,535.58	3.29%	7.7	46.51	0.72	6,732,156	6,287,033	6,349,268
FLC	HOSE	314.9	3,211.92	2.85%	10.2	6.10	0.86	11,631,414	14,309,601	14,717,658
SHB	HNX	886.1	7,354.49	2.54%	8.3	8.98	0.70	4,120,093	3,817,347	3,970,173
VCG	HNX	441.7	5,344.70	2.12%	12.1	8.22	0.96	1,720,390	1,824,775	1,542,467
PVT	HOSE	255.9	3,863.45	1.78%	15.1	13.34	1.29	3,244,182	2,853,220	2,334,931
OGC	HOSE	300.0	2,160.00	143.00%	7.2	13.40	0.71	5,655,143	5,379,680	5,853,717
DRC	HOSE	83.1	4,444.45	1.00%	53.5	12.74	3.07	254,328	185,073	121,418
IJC	HOSE	274.2	3,701.63	0.65%	13.5	22.33	1.31	665,685	714,793	685,097
PVX	HNX	400.0	2,000.00	0.00%	5.0	-2.23	2.21	4,323,847	4,658,041	6,228,691

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	67,636.81	0.00%	46.5	17.59	3.71	1,320,022	1,144,463	1,488,540
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	0.00%	81.5	-462.75	4.11	486,790	315,137	220,324
DPM	HOSE	379.9	11,587.99	0.00%	30.5	9.71	1.26	949,461	950,505	629,675
HAG	HOSE	789.9	16,824.85	0.00%	21.3	9.03	1.17	3,163,343	3,205,297	3,776,621
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	0.00%	30.6	17.27	1.84	1,226,419	897,082	509,398
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	0.00%	17.5	7.93	1.10	3,442,696	1,820,379	831,241
BVH	HOSE	680.5	22,795.79	0.00%	33.5	17.76	1.86	382,189	283,985	238,280
CTG	HOSE	3,723.4	52,127.66	0.00%	14.0	9.67	0.96	213,980	247,888	258,120
GAS	HOSE	1,895.0	132,650.00	0.00%	70.0	11.83	3.86	918,516	788,645	528,557

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	4.01%	81.5	-462.75	4.11	486,790	315,137	220,324
VIC	HOSE	1,454.6	67,636.81	2.27%	46.5	17.59	3.71	1,320,022	1,144,463	1,488,540
PVD	HOSE	303.0	19,394.36	4.39%	64.0	8.22	1.78	1,655,522	1,383,504	786,373
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	0.89%	17.5	7.93	1.10	3,442,696	1,820,379	831,241
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	1.28%	30.6	17.27	1.84	1,226,419	897,082	509,398
BVH	HOSE	680.5	22,795.79	1.79%	33.5	17.76	1.86	382,189	283,985	238,280

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,641	6.4	0.9	12.5%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,675	9.4	1.5	17.0%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,660	14.1	0.9	5.6%	2.3%
Sản xuất giấy	892	6.5	1.0	14.4%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,280	12.4	1.9	22.3%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,977	3.6	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,359	88.6	6.3	-4.2%	-3.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,046	13.8	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	31,009	29.9	1.1	0.7%	2.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,166	9.4	1.1	15.8%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,008	6.6	1.1	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,623	8.0	1.5	18.6%	6.6%
Thiết bị điện	2,044	31.5	1.3	3.3%	0.8%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	73	23.9	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,382	8.5	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,819	3.0	1.0	5.0%	1.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,327	8.2	1.4	18.6%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,714	5.7	1.6	23.3%	13.4%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,493	17.6	1.8	8.6%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	261	13.5	0.8	6.7%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	193	8.8	0.9	12.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	205	3.1	1.0	33.9%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,238	13.4	1.3	14.8%	7.3%
Lốp xe	7,888	10.1	2.6	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,827	8.1	1.4	18.0%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	325	16.4	2.2	14.9%	9.9%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,400	10.0	1.8	21.4%	7.5%
Thực phẩm	179,790	23.1	4.3	18.4%	14.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	65	18.3	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,800	7.6	1.3	18.8%	8.9%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	547	65.9	1.4	2.5%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,627	8.3	1.6	19.2%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,407	10.8	2.0	18.6%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	668	9.6	1.0	2.7%	4.9%

23 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,868	9.2	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	219	9.4	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,444	12.3	2.8	22.4%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	258	41.0	0.8	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	751	10.5	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,809	9.7	1.7	18.9%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,142	9.4	1.0	9.9%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,668	55.6	2.5	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,746	21.0	1.4	9.8%	8.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,655	17.9	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	732	10.9	0.9	8.9%	3.3%
Internet	370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,226	9.7	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	466	15.9	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	294	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,296	35.4	7.0	34.1%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,080	10.1	1.5	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	142,485	11.7	3.8	32.3%	21.9%
Nước	1,253	6.7	1.1	16.9%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,492	8.9	1.0	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,615	11.3	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,949	9.2	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	22,319	17.8	1.9	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,670	9.4	1.2	14.9%	9.7%
Môi giới chứng khoán	25,755	11.0	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	241,370	11.4	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	155,216	15.2	2.4	17.6%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,391	7.8	1.6	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.